

**Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công
ích huyện Bình Chánh**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

1.	Thông tin chung	1 - 2
2.	Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7.	Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

GCNBKDN điều chỉnh

Ngày

Điều chỉnh lần thứ 1	Ngày 05 tháng 10 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ 2	Ngày 17 tháng 10 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 3	Ngày 20 tháng 06 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	Ngày 19 tháng 01 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 5	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 6	Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phần cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu nhà nước theo phần cấp quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phần cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phần cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giữ xe
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 110A/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (028) 3760 3194
Fax : (028) 3760 3238
Mã số thuế : 0301897104

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Hành	Chủ tịch
Ông Lý Minh Sơn	Thành viên
Bà Trịnh Thị Mỹ Nga	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Kiểm soát viên Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Lê Thị Mai Thanh.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Minh Sơn	Giám đốc
Bà Trịnh Thị Mỹ Nga	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tân	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Giám đốc
Bà Kiều Liên Nhanh	Kê toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 07 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Minh Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Minh Sơn

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kê toán của Công ty nên chúng tôi chưa thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, để xác nhận tình hình hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản nợ đã nêu. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Phải thu ngân hàng của khách hàng 78.458.803.674 (Thuyết minh số 5)
Phải thu ngân hàng khác 492.950.909 (Thuyết minh số 7)
Phải trả ngân hàng khác 18.017.702.329 (Thuyết minh số 18)

Cho đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng về việc xác nhận nợ thuộc các chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2018 sau đây:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu tồn tại chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu tồn tại chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 01 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 036/2018/BCTC-FAC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - **FAC AUDITING CO., LTD**

Trụ sở Chính: 6/4 Đường DHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Q. 12, TP. HCM.
Chi nhánh Nhà Trang: 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
Chi nhánh Vũng Tàu: 169 Trường Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Chi nhánh Miền Trung: 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
Chi nhánh Hà Nội: Tầng 5, Tòa nhà 6A1, Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tel: (028) 3636 4038 **Fax:** (028) 3719 3949
Tel: (0258) 3895 777 **Fax:** (0258) 3893 377
Tel: (0254) 2210 287 **Fax:** (0254) 6253 070
Tel: (0235) 2226 889 **Fax:** (0235) 3837 878
Tel: (024) 7300 7886

www.kiemtoan.net.vn
Auditing & Consulting


Y kiến kiểm toán ngoài trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và thuyết minh số 20 của Báo cáo tài chính. Vào ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được phê duyệt quy tắc tiên lượng cho viên chức quản lý và người lao động từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Trọng Huy - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 3563-2016-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 25 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Hữu Thăng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 2818-2019-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG	100		86.885.940.271	61.876.442.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.328.022.259	9.594.691.461
1 Tiền	111		6.328.022.259	9.594.691.461
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.156.094.583	46.789.646.507
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	78.458.803.674	44.876.875.961
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.159.340.000	8.276.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	537.950.909	1.904.494.546
III. Hàng tồn kho	140	9	93.611.000	5.477.385.488
1 Hàng tồn kho	141		93.611.000	5.477.385.488
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		308.212.429	14.719.048
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	41.176.804	4.000.000
2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	267.035.625	10.719.048
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.162.053.148	3.654.974.040
I. Tài sản cố định	220		2.998.602.140	3.491.523.032
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.998.602.140	3.491.523.032
- Nguyên giá	222		7.916.840.721	7.916.840.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.918.238.581)	(4.425.317.689)
II. Bất động sản đầu tư	230	11	163.451.008	163.451.008
- Nguyên giá	231		269.308.200	269.308.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(105.857.192)	(105.857.192)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.047.993.419	65.531.416.544

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn					
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	18.898.090.025	19.380.727.119
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	-	5.836.215.923
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.212.580.491	1.391.744.563
4	Phải trả người lao động	314	16	21.092.724.182	9.901.029.849
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	-	22.604.138
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.017.702.329	9.746.550.728
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	596.040.000	596.040.000
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	6.886.495.232	3.418.796.769
9	Quy khen thưởng, phúc lợi	322	21	12.391.992.204	6.613.153.734
II. Nợ dài hạn					
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.241.240.000	1.837.280.000
2	Quy phát triển khoa học và công nghệ	343	22	1.089.106.615	489.106.615
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I. Vốn chủ sở hữu					
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	8.792.737.786	8.792.737.786
2	Quy đầu tư phát triển	418	24	552.952.173	552.952.173
II. Nguồn kinh phí					
1	Nguồn kinh phí	431		(1.887.118.626)	(3.210.973.861)
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		163.451.008	163.451.008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN					
		440		90.047.993.419	65.531.416.544

Kiều Liên Nhanh
 Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Lý Minh Sơn
 Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25.1	137.788.136,404	117.685.540,680
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		87.549,091	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.700,587,313	117.685,540,680
4 Giá vốn hàng bán	11	26	111,920,671,052	101,055,452,760
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,779,916,261	16,630,087,920
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	25,2	6,137,697	12,218,044
7 Chi phí tài chính	22	27	99,511,000	117,005,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99,511,000	117,005,000
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	16,602,905,038	10,565,425,614
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9,083,637,920	5,959,875,350
11 Thu nhập khác	31	29	340,021	-
12 Chi phí khác	32	29	22,348,161	4,674,359
13 Lợi nhuận khác	40	29	(22,008,140)	(4,674,359)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,061,629,780	5,955,200,991
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31,1	1,651,884,265	920,927,658
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		7,409,745,515	5,034,273,333

Ly Minh Sơn
Giám đốc



Kiều Liên Nhanh
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		9.061.629.780	5.955.200.991
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản				
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	02	10	492.920.892	451.844.151
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.137.697)	(12.218.044)
- Chi phí lãi vay	06	27	99.511.000	117.005.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		600.000.000	174.927.464
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.247.923.975	6.686.759.562
- Tăng, giảm các khoản phải thu	08		(33.622.764.653)	(17.128.134.210)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	09		5.383.774.488	(3.995.139.686)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	10		16.662.815.686	9.346.730.958
- Tăng, giảm chi phí trả trước	11		(37.176.804)	389.179.609
- Tiền lãi vay đã trả	12		(99.511.000)	(117.005.000)
- Tiền thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(904.776.781)	(1.144.439.459)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15	37.477.365.062	11.314.889.746
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(37.784.416.872)	(8.980.063.813)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.676.766.899)	(3.627.222.293)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.979.690.000)
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.2	6.137.697	12.218.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.137.697	(2.967.471.956)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ đi vay	33	-	2.979.690.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(596.040.000)	(546.370.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(596.040.000)	2.433.320.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.266.669.202)	(4.161.374.249)
Tiền đầu năm	60	9.594.691.461	13.756.065.710
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối năm	70	6.328.022.259	9.594.691.461



 Giám đốc
 Lý Minh Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Kiều Liên Nhanh

 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

GCN&KDN điều chỉnh

Điều chỉnh lần thứ	Ngày
Điều chỉnh lần thứ 1	Ngày 05 tháng 10 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ 2	Ngày 17 tháng 10 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ 3	Ngày 20 tháng 06 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	Ngày 19 tháng 01 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 5	Ngày 04 tháng 05 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ 6	Ngày 04 tháng 08 năm 2017

Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ.
- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bàn buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.
- Bốc xếp hàng hóa (từ bốc xếp hàng hóa hàng không).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ giữ xe
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

Doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 110A/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 301 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 307 người)

2. CƠ SỞ TRINH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

> Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

> Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

> Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

> Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

> Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÒM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tài ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 20 năm

Phương tiện vận tải 5 - 10 năm

Thiết bị văn phòng 3 năm

3.6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



3.9. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho Chủ sở hữu sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Thành viên và được Chủ sở hữu phê duyệt tại phiên họp thường niên.

> Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động đầu tư chi tiêu của Công ty

> Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

> Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các Quỹ khác được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận trong công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không dài diện cho mức độ hoàn thành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận trong công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chi được tính vào doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận trong dự án chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí đã phát sinh chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này đã phát sinh.

3.12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoài trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi hàng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nêu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. TIỀN

Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng

TỔNG CỘNG

Số cuối năm	9.891.207	6.318.131.052
Số đầu năm	12.806.890	9.581.884.571
	9.594.691.461	6.328.022.259

VND

5. PHẢI THU NGÂN HÀNG CỦA KHÁCH HÀNG

Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Bình Chánh
Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Bình Chánh
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Củ Chi
Các khoản phải thu khách hàng khác

TỔNG CỘNG

Số cuối năm	862.029.447	8.134.811.522
Số đầu năm	609.123.117	2.709.116.323
	862.029.447	8.134.811.522

VND

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN HÀNG

Số cuối năm		Số đầu năm	
Nguyên Chi Liêm	-	8.276.000	-
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Sài Gòn CO.OP - Cửa hàng CO.OP FOOD 85 Nguyễn Sơn	159.340.000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	1.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	1.159.340.000	8.276.000	

VND

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC

Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu người lao động	-	246.731.037	-
Phải thu về cổ phần hóa	482.950.909	482.950.909	-
Tạm ứng cho nhân viên	45.000.000	1.172.000.000	-
Phải thu khác	10.000.000	2.812.600	-
TỔNG CỘNG (*)	537.950.909	1.904.494.546	

VND

(*) Tài ngày lập báo cáo này, khoản phải thu ngân hàng khác chưa đòi chiểu xác nhận cuối năm là 492.950.909 VND.

8. NỢ XẤU

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
100.866.690	-	100.866.690	-
TỔNG CỘNG	100.866.690	100.866.690	-

Các khoản phải thu cho thuê nhà Sở hữu Nhà nước do các hộ dân không chịu ký hợp đồng

(*) Đây là khoản nợ quá hạn trên 3 năm, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ này.

9. HÀNG TỒN KHO

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
93.611.000	-	5.477.385.488	-
TỔNG CỘNG	93.611.000	5.477.385.488	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Số đầu năm	38.181.818	7.721.113.448	157.545.455	7.916.840.721
	Số cuối năm	38.181.818	7.721.113.448	157.545.455	7.916.840.721
Trong đó:	Đã khấu hao hết	38.181.818	3.777.746.265	157.545.455	3.973.473.538
	Số đầu năm	38.181.818	4.229.590.416	157.545.455	4.425.317.689
Giá trị hao mòn lũy kế:	Khấu hao trong năm	-	492.920.892	-	492.920.892
	Số cuối năm	38.181.818	4.722.511.308	157.545.455	4.918.238.581
Giá trị còn lại:	Số đầu năm	-	3.491.523.032	-	3.491.523.032
	Số cuối năm	-	2.998.602.140	-	2.998.602.140
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp					
-					
Tài sản sử dụng để thế					
-					

Nhà cửa, vật kiến trúc
 Phương tiện vận tải, truyền dẫn
 Thiết bị, dụng cụ quản lý
 Tổng cộng

VND

11. BẤT ĐỘNG SẢN DẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước.
 Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 11 năm 2009, từ năm 2012 Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.998.602.140 Đồng, đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay Quy Bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh dài hạn (tham chiếu Thuyết minh số 19).

Số đầu năm	-	3.491.523.032	-	3.491.523.032
Số cuối năm	-	2.998.602.140	-	2.998.602.140

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HÀNG

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Số đầu năm	4.000.000	41.176.804
Số cuối năm	4.000.000	41.176.804

TỔNG CỘNG

Số đầu năm	4.000.000	41.176.804
Số cuối năm	4.000.000	41.176.804

VND

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ
TỔNG CỘNG	18.898.090,025	18.898.090,025
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	-	645.178,000
Nguyễn Minh Nhật (Đội vận chuyên rúc)	10.514.283,718	4.356.306,350
Phạm Văn Quyền (Đội xây dựng 5)	6.468.900,871	11.174.323,269
Các nhà cung cấp khác	1.914.905,436	3.204.919,500

Số đầu năm

VND

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÀN HẠN

	Số đầu năm	Số cuối năm
TỔNG CỘNG	5.836.215,923	5.836.215,923
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Đái Phúc	-	29.700,000
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Chánh	-	749.415,923
Công ty Cổ phần Vietstar	-	5.057.100,000

Số đầu năm

VND

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
TỔNG CỘNG	1.391.744,563	9.424,513,882	(8.603,677,954)	2.212,580,491
Thuế Giá trị gia tăng	1.322.445,281	7.563,540,469	(7.442,977,792)	1.443,007,958
Thuế Giá trị gia tăng (hoạt động thu hộ)	6.489,651	60.046,769	(64.504,244)	2.032,176
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.551,517	1.651,884,265	(904,776,781)	766,659,001
Thuế Thu nhập cá nhân	43.258,114	91,262,268	(134,520,382)	-
Khoản thu hộ về cho thuê nhà thuộc Sở hữu Nhà nước	-	881,356	-	881,356
Các loại thuế khác	-	56,898,755	(56,898,755)	-

Số đầu năm

Số phải nộp trong năm

Số đã nộp trong năm

VND

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	267.035.625	-	267.035.625
Kh khoản thu hộ về cho thuê nhà thuộc Sở hữu Nhà nước	10.719.048	125.671.251	(136.390.299)	(136.390.299)
TỔNG CỘNG	10.719.048	392.706.876	(136.390.299)	267.035.625

16. **PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Kh khoản mục này thể hiện quỹ lương tạm trich phải trả cho người lao động theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

17. **DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hạn		
Doanh thu nhận trước	-	22.604.138
TỔNG CỘNG	-	22.604.138

18. **PHẢI TRẢ NGÂN HÀNG KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn		
Phải trả cho Ngân sách Nhà nước do thu hộ (*)	-	96.901.060
Các khoản phải trả đối thi công	9.271.318.165	3.622.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	700.310.644	374.425.900
TỔNG CỘNG	18.017.702.329	9.746.550.728

(*) Khoản thu chi hộ của hoạt động bán hộ chung cư, nên nhà tài định cư cho Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nên tài định cư		
Khu 30ha Vĩnh Lộc B	2.132.730.715	1.396.758.345
Thiết bị lọc nước	14.160.744	13.945.188
TỔNG CỘNG	8.046.073.520	5.653.123.768

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	596.040.000	596.040.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.1)	596.040.000	596.040.000
TỔNG CỘNG	596.040.000	596.040.000

VND

Số đầu năm

Số cuối năm

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	1.241.240.000	1.837.280.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 19.1)	1.241.240.000	1.837.280.000
TỔNG CỘNG	1.241.240.000	1.837.280.000

VND

Số đầu năm

Tổng cộng

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tiền chi trả nợ gốc vay	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm	Số cơ khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	596.040.000	(596.040.000)	596.040.000	596.040.000	596.040.000
Vay dài hạn	1.837.280.000	-	(596.040.000)	1.241.240.000	1.241.240.000
Tổng cộng	2.433.320.000	(596.040.000)	-	1.837.280.000	1.837.280.000

VND

Số đầu năm

Số cuối năm

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng tiền lương phải trả	6.886.495.232	3.418.796.769
TỔNG CỘNG	6.886.495.232	3.418.796.769

VND

Số đầu năm

Số cuối năm



21. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHỤC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biên động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.613.153.734	2.508.997.095
Trích lập trong năm	7.409.745.515	9.277.302.871
Sử dụng trong năm	(1.632.634.932)	(5.173.146.232)
Tăng khác	3.470.575	-
Giảm khác	(1.742.688)	-
Số cuối năm	12.391.992.204	6.613.153.734

VND

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	489.106.615	324.379.151
Trích quỹ trong năm	600.000.000	174.927.464
Chi trong năm	-	(10.200.000)
Số cuối năm	1.089.106.615	489.106.615

VND

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
--	------------------------	-----------------------	-----------------------------------	-----------

VND

Năm trước	Số đầu năm	Lợi nhuận thuần trong năm	Trích lập quỹ từ lợi nhuận	Cả tức công bố	Số cuối năm
8.792.737.786	336.807.619	4.376.442.092	13.505.987.497	5.034.273.333	13.505.987.497
8.792.737.786	-	-	5.034.273.333	5.034.273.333	5.034.273.333
-	-	-	(9.493.447.425)	(9.277.302.871)	(9.493.447.425)
-	-	-	82.732.000	82.732.000	82.732.000
8.792.737.786	552.952.173	-	-	-	552.952.173

Năm nay	Số đầu năm	Lợi nhuận thuần trong năm	Trích lập quỹ từ lợi nhuận	Cả tức công bố	Số cuối năm
8.792.737.786	8.792.737.786	552.952.173	9.345.689.959	7.409.745.515	9.345.689.959
8.792.737.786	-	-	(7.409.745.515)	(7.409.745.515)	(7.409.745.515)
-	-	-	-	-	-
-	-	-	7.409.745.515	7.409.745.515	7.409.745.515
-	-	-	552.952.173	552.952.173	552.952.173

Số cuối năm	Trích lập quỹ từ lợi nhuận	Lợi nhuận thuần trong năm	Số cuối năm
8.792.737.786	-	7.409.745.515	8.792.737.786

Số cuối năm	Trích lập quỹ từ lợi nhuận	Lợi nhuận thuần trong năm	Số cuối năm
8.792.737.786	-	7.409.745.515	8.792.737.786

24. NGUỒN KINH PHÍ

Thay đổi nguồn kinh phí được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.210.973.861)	(8.291.122.426)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	37.477.365.062	72.492.656.420
Chi sự nghiệp	(36.153.509.827)	(67.412.507.855)
Số cuối năm	(1.887.118.626)	(3.210.973.861)

VND

25. DOANH THU

25.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	137.788.136.404	117.685.540.680
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	92.124.619.825	71.203.882.762
Doanh thu xây dựng công trình công ích	45.663.516.579	46.481.657.918
Các khoản giảm trừ doanh thu	(87.549.091)	-
Giảm giá hàng bán	(87.549.091)	-
DOANH THU THUẬN	137.700.587.313	117.685.540.680
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích	92.124.619.825	71.203.882.762
Doanh thu xây dựng công trình công ích	45.575.967.488	46.481.657.918

VND

25.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.137.697	12.218.044
TỔNG CỘNG	6.137.697	12.218.044

VND

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	68.561.847.659	57.144.394.894
Giá vốn xây dựng công trình công ích	43.358.823.393	43.911.057.866
TỔNG CỘNG	111.920.671.052	101.055.452.760

VND



Mẫu số B09-DN		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh			
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			

27.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	TỔNG CỘNG	
		Lãi tiền vay	
VND	Năm nay	99.511.000	99.511.000
VND	Năm trước	117.005.000	117.005.000

28.	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	TỔNG CỘNG	
		Chi phí nhân viên quản lý	
		Chi phí dự phòng	
		Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	
VND	Năm nay	7.832.616.776	16.602.905.038
VND	Năm trước	5.907.056.673	10.565.425.614

29.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	LỖ KHÁC THUẬN	
		Thu nhập khác	
		Các khoản khác	
		Chi phí khác	
		Chi phí thâm định giá tài sản	
		Các khoản bị phạt	
VND	Năm nay	340.021	(22.008.140)
VND	Năm trước	-	(4.674.359)

30.	CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	TỔNG CỘNG	
		Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
		Chi phí nhân công	
		Chi phí khấu hao tài sản cố định	
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	
		Các chi phí bằng tiền	
VND	Năm nay	38.444.383.850	128.645.435.251
VND	Năm trước	44.951.516.878	111.742.557.733

52447
 STY TN
 A TOA
 AC
 HỒ C

Luong và thuong	Năm nay	Năm trước
	2.097.808.800	2.620.530.275
	VND	

sau:
Thu nhập các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng như

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mức thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mức dịch vụ thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mức không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.2. Thuế TNDN hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.812.325.956	1.191.040.198
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	(165.535.233)	(273.305.013)
Chi phí có tính phục lợi trong năm	5.093.542	3.192.473
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	1.651.884.265	920.927.658
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.061.629.780	5.955.200.991
	VND	

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

31.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

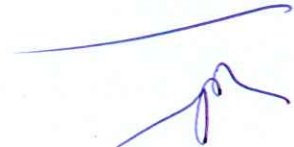
Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỰC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Kiều Liên Nhanh
Kê toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Lý Minh Sơn
Giám đốc